



shào xī

稍息

verb / interjection · at ease (military command)

Example Sentences

jiào guān hǎn le yī shēng shào xī

教官喊了一声稍息。

The instructor shouted 'at ease'.

shì bīng men tīng dào shào xī hòu fàng sōng le shēn tǐ

士兵们听到稍息后放松了身体。

The soldiers relaxed their bodies after hearing 'at ease'.

Trace each character, then write the word on your own.

稍	稍	稍	稍	稍	稍	稍	稍	稍	稍	稍
稍	稍	稍	稍							
息	息	息	息	息	息	息	息	息	息	息
息	息									